

SỰ TRỞ LẠI CỦA ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH TRÊN VĂN ĐÀN

(Qua thực tiễn sáng tác tiểu thuyết gần đây)

Chiến tranh vẫn là một “siêu đề tài”?

Nếu nói không quá thì những bài học đạo đức của thời chiến tranh ngỗ hầu có thể trao cho con người thời hiện đại cái “chìa khóa” để mở cánh cửa học *cách ứng xử* với đồng loại trong những biến cố, tình huống bất ngờ và bất trắc. Chiến tranh có thể dạy cho con người những bài học về lương tâm, đạo đức. Ngay từ tháng 5-1945, giữa thành phố Berlin (Đức) vừa được Hồng quân Liên Xô giải phóng, nhà văn Nga A. Tolstoy (tác giả bộ ba tiểu thuyết *Con đường đau khổ*, truyện ngắn đặc sắc *Tính cách Nga*) đã tiên đoán: “Trong vòng 100 năm tới chiến tranh vẫn là đề tài lớn hấp dẫn nhà văn chúng ta sáng tác nên những thiên sử thi, những vở kịch và cả những bài thơ ngắn”. Không phải vô cớ mà “Tổ quốc nhìn từ biển” (nhân đề một tập thơ của Nguyễn Việt Chiến) đã trở thành tâm thức cộng đồng trong những năm qua khi Biển Đông dậy sóng. Hơn bao giờ hết người Việt Nam đang rất cần phát huy một tinh thần đoàn kết cao độ trong sự nghiệp kiến quốc và bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của đất nước.

Một thời gian khá dài (trong khoảng mười năm 1995-2005), đề tài chiến tranh trong văn chương Việt Nam đương đại có vẻ như bị sao nhãng, thừa thớt, đứt quãng. Thậm chí độc giả dường như quay lưng với các tác phẩm viết về chiến tranh. Văn chương nặng về giải trí, tình dục, kì ảo, trinh thám, kể cả “giải thiêng” lịch sử, như được dịp soán ngôi, thậm chí ở thế thượng phong. Nhưng viết về chiến tranh vẫn như là một “món nợ tinh thần” đối với mỗi nhà văn dù là người trải qua trận mạc hay sinh sau đẻ muộn không biết “mặt mũi” chiến tranh vương tròn là gì.

viết được cuốn sách với một chủ đề có thể gọi là “học búa” này bà đã cất công sang tận nước Mỹ xa xôi tận bên kia bán cầu không phải chỉ một lần để sưu tập tài liệu về cuộc chiến tranh của người Mỹ ở Việt Nam trong hơn hai mươi năm (1954-1975). Quan trọng hơn là để trải nghiệm văn hóa vốn được coi như là nền móng của sự viết văn chương. Nói một cách ngắn gọn thì cuốn tiểu thuyết này là một “đột phá khẩu” trong cách nhìn các vấn đề của chiến tranh. Trong đó vấn đề nhân văn, nhân bản được đề lên hàng đầu. Thậm chí nếu nói cho thật công bằng thì đó là vấn đề “tính người” vốn trước đây một thời gian dài bị coi là “vùng cấm”, “hủy kỵ” trong đời sống xã hội và nghệ thuật. Tiểu thuyết kể một câu chuyện cảm động về tâm lòng của người Việt Nam trong chiến tranh, thông qua nhân vật cô gái nông thôn (Na) cư mang, cứu chữa, chăm sóc tận tình một viên phi công Mỹ - James (thường được gọi là Jim) bị thương khi máy bay do anh ta điều khiển bị bắn hạ. Hai bố con cô gái tốt bụng ấy đã dần dà coi viên phi công Mỹ như một thành viên của gia đình mình. Ở đây có vẻ như không có ranh giới địch/ta, ở đây hình như không còn là kẻ thù của nhau, không có kẻ thắng người bại. Chỉ còn lại con người với con người trong muôn nỗi niềm và cảnh ngộ. Nhưng kết cục câu chuyện thì “cơ bản là buồn”. Cô gái như một Thiên Sứ ấy đã chết vì bom Mỹ được ném xuống từ các máy bay của những đồng đội của viên phi công Mỹ đã được cứu sống. Một lời tố cáo chiến tranh bằng hình tượng văn học. Chủ đề tác phẩm đúng như *Đề từ*: “Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên, khi mà các nền văn minh khác nhau phải học cách cùng sống trong hòa bình, học hỏi lẫn nhau, nghiên cứu lịch sử, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật của nhau; cùng nhau làm phong phú thêm cái vốn của những nền văn minh khác nhau. Đi ngược lại, thế giới nhỏ bé và chật chội này chỉ còn lại sự hiểu lầm, căng thẳng, va chạm và thảm họa... Một trật tự thế giới dựa trên các nền văn minh là một bảo đảm an toàn nhất chống lại chiến tranh thế giới” (Lester Peason, Thủ tướng, nhà văn người Canada, Giải thưởng Nobel văn chương, 1957).

Có thể nói, cho đến hôm nay những tác phẩm viết về chiến tranh ghi được dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả cơ bản vẫn thuộc về những cây bút đã trải qua chiến tranh. Đó là những nhà văn đã trải qua lửa đỏ và nước lạnh. Trải nghiệm sống và trải nghiệm văn hóa đã giúp họ có được cả bề rộng và chiều sâu của vốn sống. Với họ viết về chiến tranh trước

hết như là cách trả “món nợ tinh thần” cho những người đã anh dũng hi sinh vì lí tưởng chung. Và sau hết là rút ra những bài học đạo lí cho những người đang sống, đang cùng chung tay xây đắp cơ đồ Việt Nam.

Một câu hỏi đặt ra là vì sao cho đến nay dấu chiến tranh đã lùi xa hơn bốn thập kỉ mà sáng tác về đề tài này vẫn có thể tạo sức hấp dẫn độc giả văn chương, dĩ nhiên là với các tác phẩm thành công? Thiết nghĩ những sáng tác theo hướng “lội ngược dòng” ấy vẫn có cái khả năng tiềm tàng cung cấp cho con người thời hiện đại những câu trả lời về nhân cách. Suy cho cùng, nói như nhà văn Nguyễn Minh Châu (trong một bài viết về Nam Cao), văn chương thời nào, về cái gì cũng đều truy đến tận ngọn nguồn vấn đề nhân cách và phi nhân cách, văn hóa và phản văn hóa. Khi trong đời sống thời bình, khi trong cơ chế thị trường, khi trong một xã hội tiêu thụ và hưởng thụ thì những vấn đề muôn thuở của con người lại được đặt ra cấp thiết và nóng bỏng hơn bao giờ hết (vấn đề dân thân, vấn đề chấp nhận hay phản kháng thực tại, vấn đề nhân tính, vấn đề bản thể,...).

Chiến tranh trong mắt ai (sự viết của thế hệ không trải nghiệm trận mạc)

Có thể nói tiểu thuyết của những tác giả không trực tiếp trải qua trận mạc đã tạo nên một mảng màu khá đậm nét trong bức tranh chung của văn học viết về chiến tranh trên văn đàn hôm nay. Có thể kể đến *Mình và họ* (2014) của Nguyễn Bình Phương, *Xác phàm* (2014) của Nguyễn Đình Tú, *Cơ bản là buồn* (2014) của Nguyễn Ngọc Thuận, *Một phần tuổi trẻ* (2016) của Huỳnh Trọng Khang... Ở đây chúng tôi muốn dừng lại một trường hợp tiêu biểu - Huỳnh Trọng Khang với tiểu thuyết *Một phần tuổi trẻ*. Tác giả còn rất trẻ (sinh năm 1994). Anh hoàn thành tiểu thuyết này khi tròn hai mươi hai tuổi (2014), nhưng hai năm sau mới ra mắt bạn đọc (2016). Nhan đề ban đầu là *Con trai tương quân*. Bối cảnh chính của tiểu thuyết là cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam cuối những năm 60 của thế kỉ trước, không gian chủ yếu của câu chuyện là các đô thị lớn, trong đó Sài Gòn là trung tâm. Sinh trưởng trong một gia đình quyền quý, bố là một viên tướng trong bộ máy chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Chàng trai - nhân vật chính, người xưng “tôi” kể chuyện - sống dư thừa về vật chất và tiện nghi. Nhưng như nhiều thanh niên khác cùng tầng lớp và hoàn cảnh,

anh không thấy thỏa mãn và hạnh phúc. Anh muốn nổi loạn. Anh nhập vào trào lưu *hip-pi*. Anh phá phách. Nhưng càng nổi loạn anh càng cảm thấy bế tắc. Không gian nghệ thuật của tiểu thuyết được mở rộng bằng cách luân chuyển địa điểm (từ thành phố đến nông thôn, từ trong nước ra thế giới). Sài Gòn (Hòn Ngọc Viễn Đông) hoa lệ và phức tạp những năm cuối thập niên 60 thế kỉ hai mươi hiện lên hết sức sinh động trong toàn bộ màu sắc, âm thanh, đường nét và cả mùi vị đặc trưng. Chúng tôi đã nhân dịp này đọc lại tiểu thuyết *Sài Gòn 67* (1983) của nhà văn Nguyễn Văn Bông (1921-2001). Đọc để xem một cây bút thế hệ 9X viết chiến tranh bằng trí tưởng tượng như thế nào. Liệu anh có bị ảnh hưởng bậc tiền bối văn chương?! Rất may mắn là Huỳnh Trọng Khang vẫn là anh, rất riêng, không bị cái bóng rợp của người đi trước che khuất. Trường hợp Huỳnh Trọng Khang cho chúng ta một cách nghĩ khác về sự trải nghiệm văn hóa của chủ thể khi viết. Lại nhớ đến quan điểm của danh họa người Tây Ban Nha Pi-cat-sô khi ông nhấn mạnh “Tôi vẽ như tôi nghĩ chứ không như tôi nhìn thấy”.

Những cách viết chiến tranh hiệu quả khác nhau

Tiểu thuyết tư liệu về chiến tranh đang nổi lên như một khuynh hướng có triển vọng. Vì sao lại là tư liệu chứ không phải hư cấu? Bởi vì tư liệu là khách quan, nên đọc giả hôm nay nếu có “ngã” về tư liệu thì cũng có cái lí do chính đáng. Họ cần sự thật trung thành. Họ cần biết thêm về chiến tranh qua tư liệu gốc, từ đó sẽ chủ động suy đoán, bình giá. Hư cấu nếu thấp lè tè thì không thể bằng tư liệu ngôn ngôn chất đời, chứa đầy sự thật. Nhu cầu chính đáng của con người là tiếp cận sự thật. Dẫu cho “thuốc đắng dã tật sự thật mất lòng”. Tác giả Phan Quang trên *Tạp chí Hồn Việt* (số tháng 12-2013) có bài *Tiểu thuyết tư liệu miền đất hứa của văn học đương đại*. Theo ông, tiểu thuyết tư liệu còn gọi là tiểu thuyết không hư cấu (*non-fiction*). Theo cách đọc của tác giả tiểu luận thì trên văn đàn thế giới hiện đại, cuốn tiểu thuyết tư liệu thành công nhất trong vài chục năm gần đây là *Nhật ký một cuộc bắt cóc* (1996) của văn hào Colombia - Garcia Marquez. Ở Việt Nam, cũng theo tác giả tiểu luận trên, cuốn tiểu thuyết tư liệu thành công hơn cả thời hậu chiến là *Ông cố vấn* (3 tập, 1988, 1989) của nhà văn Hữu Mai (nhờ xuất bản tác phẩm này mà nhà văn được mời dự Đại hội lần thứ nhất những nhà văn viết

truyện trinh thám do tổ chức Hiệp hội Quốc tế các nhà văn viết trinh thám thế giới tổ chức năm 1989 tại Mê-xi-cô).

Uy quyền của văn học tư liệu đã hiển hiện. Bằng chứng là tiểu thuyết tư liệu - lịch sử *Biên bản chiến tranh 1-2-3-4.75* (2014) của Trần Mai Hạnh đã lập kỉ lục in đến 10.000 cuốn (in lần thứ tư, đã ra mắt phiên bản tiếng Anh). Tác phẩm nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2014, Giải thưởng Văn học Đông Nam Á năm 2015. Nhà văn chia sẻ: “Thời gian càng lùi xa, việc nhìn về quá khứ càng bị lớp bụi thời gian phủ mờ. Nên tôi chọn cách viết tiểu thuyết tư liệu - lịch sử từ những tư liệu có thật mà tôi tiếp cận được từ nhiều phía, trong đó có những tư liệu mà tôi tiếp cận được từ phía Việt Nam Cộng hòa, như một cách trung thực để tái hiện lịch sử”. Trong dự cảm của văn giới và độc giả thì trong tương lai gần và xa tiểu thuyết tư liệu nhiều khả năng sẽ soán ngôi tiểu thuyết hư cấu. Những cuốn tiểu thuyết tư liệu về chiến tranh khác như *Dòng sông mang lửa* (2013) của Hồ Sỹ Hậu, *Trong cơn lốc xoáy* (2016) của Trầm Hương cũng đã góp phần tích cực và hiệu quả vào việc tái hiện chiến tranh từ “bản gốc”. Có thể xếp *Đỉnh máu* (2012) của Nguyễn Bảo vào dòng tiểu thuyết tư liệu về chiến tranh. Một hiện tượng văn học sử thiết nghĩ cũng rất đáng quan tâm - đó là sự xuất hiện bộ tiểu thuyết tư liệu - lịch sử trường thiên *Đương thời đại* của tác giả Đặng Đình Loan (gồm 17 tập, với hơn 8000 trang, do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật ấn hành trọn bộ, năm 2013). Sự đánh giá có thể còn nhiều ý kiến chưa thống nhất, nhưng trước hết cần ghi nhận lao động nghệ thuật kiên nhẫn của tác giả đã dành trọn 20 năm để hoàn thành một tác phẩm đồ sộ mà không phải ai cũng dễ dàng thực hiện. Ý đồ nghệ thuật của tác giả là kiến tạo một toàn cảnh (*panorama*) về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần thánh của dân tộc bằng sử liệu, bằng tài liệu gốc, kể cả những tài liệu đã được phép giải mật.

Tiểu thuyết có yếu tố tự thuật đang “trương nở” trên văn đàn. *Tiểu thuyết có yếu tố tự thuật về chiến tranh* theo đó chắc chắn cũng sẽ chiếm lĩnh độc giả. Vì sao? Vì thế hệ nhà văn chống Mỹ về cơ bản vẫn còn là chủ lực quân của văn học. Riêng trong lĩnh vực văn xuôi, những cây bút lực lưỡng của thế hệ này vẫn thu hút sự quan tâm của độc giả. Nếu bây giờ họ vẫn viết về chiến tranh thì cần phải vượt qua lối văn “tả trận”. Chiến tranh hiện lên không trong tiếng ùng ục oang sùng đạn. Chiến tranh

không phải chỉ là những cảnh đầu rơi máu chảy. Bây giờ chiến tranh sẽ nổi với hòa bình, quá khứ sẽ nổi với hiện tại. Và ở cái dấu nổi ấy, nhờ độ lùi của thời gian và sự nghiền ngẫm hiện thực, sẽ xuất hiện cái nhu cầu thể hiện *cái chủ thể* viết đã từng tham chiến. Quan sát tiểu thuyết đương đại về chiến tranh sẽ thấy đã bắt đầu xuất hiện yếu tố tự thuật từ *Thân phận của tình yêu* (1990) của Bảo Ninh - tác phẩm nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1991. Sau đó là *Lính trận* (2010) của Trung Trung Đỉnh (tất nhiên không đơn thuần căn cứ vào người kể chuyện ở ngôi thứ nhất xưng “tôi”). Gần nhất là *Rừng đôi* (2016) của Nguyễn Trọng Luân, *Thư về quá khứ* (2016) của Nguyễn Trọng Tân. Họ là lính chiến thực thụ. Nhiều năm sau chiến tranh họ vẫn có cái cảm giác không thoát ra được khỏi nó. Nghĩa là chiến tranh vẫn như còn hiện diện trong đời sống của cả cộng đồng và mỗi cá nhân. Tiểu thuyết *Thư về quá khứ* của Nguyễn Trọng Tân xuất hiện gần đây nhất đã có tiếng vang trên văn đàn. Đó là câu chuyện của chính người cầm bút, trải nghiệm có dư mười năm chiến tranh, trở về và thực hiện được mơ ước của mình - trở thành sinh viên Văn khoa, sau đó hành nghề văn và nghề báo. Tác giả tiểu thuyết chia sẻ: “Mỗi mảnh ký ức là một câu chuyện, một lá thư. Thư về quá khứ. (...). Những mảnh vụn ký ức trong lá thư này không vẽ lên hình hài cuộc chiến, nó thủ thi kê về nỗi tấy nhức trong trái tim người lính, tiếng thở dài nhớ mẹ giữa đêm sâu, niềm khao khát yêu đương, cả những cái chết lặng lẽ tức tưởi vô danh góc rừng chiều... Chuyện của lính. Những chuyện bình thường trong thời chiến. Những chuyện bình thường như số phận người lính. Những câu chuyện vui sâu dưới đáy ba lô”. Chúng tôi gọi đó là “chuyện bây giờ mới kể”. Nó là ký ức lương thiện của con người đã tham gia cuộc chiến. Tác phẩm vì thế hao hao hồi ký hay tự truyện.

Không có gì lạ khi tự truyện và hồi ký đang tràn ngập thị trường sách. Câu khách cũng có, vì lợi nhuận cũng có, thích phô diễn, đánh bóng bản thân cũng có. Nghĩa là muôn nẻo lí do viết. Nhưng cái nhu cầu được bộc lộ cái “tôi” chính đáng bằng ngôn từ văn chương thì không thể không chấp nhận. Vì thế tiểu thuyết có yếu tố tự thuật về chiến tranh cũng là một cách viết trong nhiều cách viết. Và đã có thành tựu đáng ghi nhận.

Hà Nội, tháng 10-2017